TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27/9/2022
V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liêng Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tạ Quang Trung

2. Ông Nguyễn Thanh Hải

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đinh Thanh Thảo, là thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 221/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc tranh chấp Ly hôn, nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 153/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Ngọc T,** sinh năm 1989; nơi cư trú: X khu vực Y, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Lê Trường S,** sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp A, xã L, huyện P, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn – bà Lê Ngọc T trình bày: bà và ông Lê Trường S tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận B, thành phố Cần Thơ. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc thường xuyên xảy ra những mâu thuẫn, bất đồng quan điểm do tính tình không hòa hợp, vợ chồng hay cãi vã, không còn yêu thương chăm sóc lẫn nhau, cả hai đã ly thân. Nhận thấy không thể kéo dài cuộc hôn nhân này nên bà yêu cầu được ly hôn với ông S. Ông bà có 01 người con chung là Lê Nhựt T2 (nam) sinh ngày 14/10/2013.

Bà T yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Ông bà không có tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Lê Ngọc T và ông Lê Trường S xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận B, thành phố Cần Thơ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số số 04, quyển số 01 ngày 03/01/2013 là hôn nhân hợp pháp. Ngày 04/6/2022 bà T yêu cầu ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại huyện P nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Phía bị đơn là ông Lê Trường S đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án đưa vụ án ra xét xử và triệu tập ông S tham dự phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông S.

[3] Bà T yêu cầu ly hôn là do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, đôi bên có nhiều bất đồng về quan điểm, tính tình không hợp nhau, ông S không quan tâm chăm sóc gia đình, cả hai đã sống ly thân hơn 06 tháng. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt thông báo Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho ông S, nhưng ông S đều vắng mặt không lý do, điều này thể hiện ông S không có thiện chí hòa giải đoàn tụ gia đình, không quan tâm đến cuộc sống hôn nhân. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định: Tòa án xem xét yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được thì tòa án quyết định cho ly hôn… Vì vậy, yêu cầu được ly hôn của bà T là có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[4] Về con chung, ông bà có 01 người con chung là Lê Nhựt T2 (nam) sinh ngày 14/10/2013, bà T yêu cầu nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng. Cháu T2 đang chung sống với bà T và cháu cũng có nguyện vọng chung sống với mẹ nên yêu cầu nuôi con chung của bà T là có cơ sở chấp nhận. Do bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn trình bày không có nhưng chưa ghi nhận được ý kiến của bị đơn, do đó, chưa xem xét giải quyết trong vụ án này; trường hợp đương sự có yêu cầu giải quyết thì khởi kiện thành vụ án khác.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Ngọc T đối với ông Lê Trường S.

- *Về con chung:* giao Lê Nhựt T2 (nam) sinh ngày 14/10/2013 cho bà T nuôi dưỡng. Ông S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông S, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* chưa xem xét giải quyết.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: bà T nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số 0007409 ngày 11/7/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. P ;
- THA H. P;
- UBND phường T;
- Lưu HS (2b).

Liêng Thị Hồng Hoa